

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Số: 29 /2017/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tây Ninh, ngày 20 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý hoạt động thoát nước
và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BXD ngày 02 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2059/TTr-SXD ngày 04 tháng 8 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2017.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị chức năng có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải, Y tế, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn;

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 4;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

HÀNG QUÝ 2017

40

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KI CHỮ TỊCH
CHỦ TỊCH



Dương Văn Thắng

QUY ĐỊNH

Về quản lý hoạt động thoát nước

và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 29 /2017/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các khu vực đô thị, các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao (sau đây gọi chung là khu công nghiệp), khu dân cư nông thôn tập trung, khu chức năng khác (cửa khẩu, cụm công nghiệp), các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sản xuất ngoài các khu vực trên nằm trên địa bàn tỉnh có các hoạt động liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện), Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND cấp xã) và hộ thoát nước (là các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình xả thải vào hệ thống thoát nước) có liên quan hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Hệ thống thoát nước

1. Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải được quy định tại Khoản 10, 11, 12, 13, 14, 15 và 16 Điều 2 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải (sau đây viết tắt là Nghị định số 80/2014/NĐ-CP), bao gồm:

a) Mạng lưới thoát nước cấp 1: Bao gồm hệ thống cống bao, rãnh dọc, kênh, mương dẫn nước thải sau khi xử lý, nước mưa xả vào nguồn tiếp nhận là các kênh, mương, sông, suối chính có dòng chảy tiêu thoát nước cho khu vực hoặc vùng;

b) Mạng lưới thoát nước cấp 2: Bao gồm hệ thống cống dọc các đường phố chính có chức năng vận chuyển nước thải và nước mưa, có thể thông qua hoặc không thông qua các trạm bơm, các trạm xử lý, hồ điều hòa, đến mạng lưới thoát nước cấp 1;

c) Mạng lưới thoát nước cấp 3: Bao gồm các tuyến cống dọc đường phố tại các khu dân cư, các khu chức năng, cống dẫn nước mưa, nước từ các hố ga mặt đường dùng để

thu gom, truyền tải nước thải, nước mưa của các hộ hoặc nước bề mặt đến mạng lưới thoát nước cấp 2 và cấp 1 (đối với tuyến cống dọc, cống dẫn nước mưa nằm giáp nguồn tiếp nhận).

2. Công trình thuộc hệ thống thoát nước

a) Hộp đấu nối (là các điểm đầu tiên của hệ thống thoát nước thải, đấu nối với các hộ thoát nước, tiếp nhận nước mưa, nước thải của các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước), hố kiểm tra, ga thăm, cửa thu nước lẻ đường, cửa tràn tách nước;

b) Trạm bơm nước thải, nước mưa; các tuyến cống thuộc mạng lưới thoát nước cấp 1, cấp 2, cấp 3;

c) Hồ điều hòa và kênh mương;

d) Cửa xả nước mưa hoặc nước thải đã xử lý vào nguồn tiếp nhận;

đ) Nhà máy xử lý nước thải, phòng thí nghiệm;

e) Công trình xử lý bùn cặn.

Điều 3. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước

Chủ sở hữu hệ thống thoát nước được quy định tại Khoản 1 Điều 14, Khoản 1 Điều 15 và Khoản 1 Điều 16 Quy định việc phân công trách nhiệm và phân cấp quản lý về quản lý thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh (sau đây viết tắt là Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND).

Chương II
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, QUẢN LÝ, VẬN HÀNH
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 4. Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

1. Việc đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước phải thực hiện theo kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước được phê duyệt. Kế hoạch thoát nước phải phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch thoát nước vùng tỉnh và định hướng phát triển hệ thống thoát nước đã được phê duyệt. Kế hoạch phát triển thoát nước trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định Điều 12 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

2. Hệ thống thoát nước các đô thị, khu công nghiệp và khu dân cư nông thôn tập trung, khu chức năng khác được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng một phần hoặc toàn bộ hệ thống thoát nước phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch thoát nước vùng tỉnh được phê duyệt.

3. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải phải tuân theo các quy định của Luật Xây dựng, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

4. Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải phải thực hiện đồng bộ từ mạng lưới thoát nước cấp 1, 2, 3; đầu nối hệ thoát nước đến nhà máy xử lý nước thải, cửa xả ra môi trường. Trong trường hợp chưa đủ kinh phí đầu tư xây dựng thì phải phân chia giai đoạn đầu tư theo lưu vực, trực đường ưu tiên, nhưng phải đảm bảo yếu tố đồng bộ, kê cả công trình xử lý bùn thải cho lưu vực lựa chọn.

5. Lựa chọn công nghệ xử lý nước thải

a) Các khu dân cư nông thôn tập trung; khu chức năng khác (cửa khẩu, cụm công nghiệp), các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sản xuất nằm ngoài đô thị, các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh không có khả năng kết nối hệ thống thoát nước tập trung, khuyến khích ưu tiên lựa chọn đầu tư xây hệ thống thu gom, xử lý nước thải phi tập trung;

b) Tiêu chí lựa chọn công nghệ xử lý nước thải theo quy định Điều 16 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP; ưu tiên sử dụng công nghệ thích hợp, thân thiện với môi trường và phù hợp điều kiện kinh tế xã hội tỉnh.

Điều 5. Lựa chọn đơn vị thoát nước

1. Các công trình của hệ thống thoát nước và xử lý nước thải được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước phải được thống nhất quản lý vận hành bởi một đơn vị thoát nước.

2. Việc lựa chọn đơn vị thoát nước thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Điều 6. Hợp đồng và chuyển nhượng hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước

1. Hợp đồng quản lý vận hành hệ thống thoát nước

a) Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước là văn bản pháp lý được ký kết giữa chủ sở hữu và đơn vị được giao quản lý, vận hành hệ thống thoát nước;

b) Mẫu hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải (sau đây viết tắt là Thông tư số 04/2015/TT-BXD);

c) Trong trường hợp có sự thay đổi về chính sách tiền lương do Nhà nước Việt Nam ban hành, sự điều chỉnh giá năng lượng, vật tư làm ảnh hưởng đến đơn giá nhân sự và chi phí vật tư thì các bên trao đổi để xác định lại giá hợp đồng cho phù hợp với tình hình thực tế.

2. Chuyển nhượng hợp đồng quản lý vận hành hệ thống thoát nước thực hiện theo Khoản 6 Điều 19 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Điều 7. Quy định về quản lý hệ thống thoát nước

1. Chủ sở hữu, đơn vị thoát nước có trách nhiệm quản lý hệ thống thoát nước và các công trình của hệ thống thoát nước.

2. Nội dung quản lý hệ thống thoát nước gồm: Quản lý hệ thống thoát nước mưa; quản lý hệ thống hồ điều hòa; quản lý vận hành hệ thống thoát nước thải; quản lý hệ thống các điểm xả ra nguồn tiếp nhận phải thực hiện theo quy định tại các Điều 20, 21, 22, và 26 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

3. Nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước

a) Khi tiến hành nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước, đơn vị thoát nước phải lập kế hoạch cụ thể về thời gian thi công, biện pháp thi công, biện pháp đảm bảo an toàn trật tự, an toàn giao thông và đảm bảo vệ sinh môi trường trước khi tiến hành nạo vét gửi Sở Xây dựng, UBND cấp huyện để phối hợp quản lý;

b) Nạo vét đến đâu phải tiến hành đập nắp đan, chèn khít mạch hệ thống thoát nước đến đó; không để miệng cống, hố ga hở qua đêm đảm bảo an toàn cho người dân khi lưu thông trên đường;

c) Chất thải nạo vét phải được vận chuyển bằng phương tiện chuyên dụng, không để chất thải rơi vãi khi lưu thông trên đường và đổ thải đúng nơi theo quy định.

Điều 8. Quản lý xử lý nước thải phi tập trung

1. Đối tượng áp dụng giải pháp xử lý nước thải phi tập trung nêu tại Điểm a Khoản 5 Điều 4 Quy định này phải tuân thủ theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 23 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

2. Giải pháp, tiêu chí lựa chọn công nghệ và công nghệ áp dụng để thực hiện xử lý nước thải phi tập trung theo quy định tại Khoản 3, 4 Điều 1 Thông tư số 04/2015/TT-BXD.

Điều 9. Quản lý bùn thải và sử dụng nước thải sau xử lý

1. Quản lý bùn thải thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP, gồm bùn thải từ hệ thống thoát nước và bùn thải từ bể tự hoại.

2. Bùn thải từ hệ thống thoát nước

a) Việc phân loại, lựa chọn công nghệ xử lý; thu gom, vận chuyển và xử lý thực hiện theo Luật Bảo vệ môi trường; Khoản 3 Điều 40 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu (sau đây viết tắt Nghị định số 38/2015/NĐ-CP) và Điều 2 Thông tư số 04/2015/TT-BXD;

b) Khi đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải, chủ đầu tư phải xây dựng công trình xử lý bùn thải; bùn thải khi xử lý phải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định.

3. Bùn thải từ bể tự hoại

a) Các quy định chi tiết về quản lý bùn thải từ bể tự hoại thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 04/2015/TT-BXD;

b) Hoạt động dịch vụ thu gom, vận chuyển bùn thải bể tự hoại phải được đăng ký và quản lý;

c) Bùn thải bể tự hoại được thu gom, vận chuyển đến nhà máy xử lý nước thải để xử lý hoặc cơ sở được cấp thẩm quyền cấp phép xử lý bùn bể tự hoại.

4. Sử dụng nước thải sau xử lý: Các quy định về quản lý, sử dụng nước thải sau xử lý thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP, Khoản 1, 2 Điều 40 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP và Khoản 1, 2, 3 Điều 4 Thông tư số 04/2015/TT-BXD.

Chương III **QUY ĐỊNH VỀ ĐẦU NỐI VÀ MIỄN TRỪ ĐẦU NỐI**

Điều 10. Quy định về đầu nối

1. Các hộ thoát nước nằm trong phạm vi có mạng lưới đường ống, công thu gom nước mưa, nước thải, hộp đầu nối hoặc tại những khu vực đã được đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống thoát nước là đối tượng phải thực hiện đầu nối vào hệ thống thoát nước trừ những trường hợp được quy định về miễn trừ đầu nối được quy định tại Khoản 2 Điều 35 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

2. Các quy định về điểm đầu nối

a) Điểm đầu nối là các điểm xả nước của các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước thông qua các hố ga, các tuyến cống hoặc hộp đầu nối được chủ sở hữu đầu tư xây dựng;

b) Các hộ thoát nước có trách nhiệm đầu tư tuyến cống thu gom để vận chuyển nước thải từ các điểm xả của hộ thoát nước đến điểm đầu nối. Các hộ thoát nước lân cận trên cùng tuyến thu gom được phép đầu tư xây dựng chung một tuyến cống thu gom vận chuyển nước thải, nhưng phải đảm bảo yêu cầu về đầu nối và được đơn vị thoát nước chấp thuận;

c) Cao độ của điểm đầu nối phải thấp hơn cao độ các công trình của các hộ thoát nước nhằm đảm bảo độ dốc để nước từ hệ thống thoát nước công cộng không chảy ngược vào các hộ thoát nước;

d) Đối với các hộ thoát nước thải sinh hoạt là hộ gia đình đã đầu nối vào hệ thống thoát nước trước khi Quy định này có hiệu lực nhưng đầu nối chưa phù hợp quy định thì phải thực hiện điều chỉnh lại đầu nối đảm bảo phù hợp Quy định này khi có thông báo của đơn vị thoát nước.

3. Quy định về hộp đấu nối

a) Tùy theo điều kiện của từng khu vực, vị trí điểm đấu nối phải bố trí hộp đấu nối nhằm đảm bảo ổn định, an toàn cho điểm đấu nối, đồng thời thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát, bảo dưỡng;

b) Hộp đấu nối được xây dựng trên phần đất công, sát ranh giới giữa phần đất công với phần đất thuộc quyền sử dụng của các hộ thoát nước. Chủ sở hữu chịu trách nhiệm đầu tư hộp đấu nối và giao cho đơn vị thoát nước quản lý.

Điều 11. Điều kiện xả thải vào điểm đấu nối

1. Các hộ thoát nước thải sinh hoạt được phép xả nước thải trực tiếp vào hệ thống thoát nước tại điểm đấu nối.

2. Đối với loại nước thải khác

a) Chất lượng nước thải trước khi đấu nối với hệ thống thoát nước phải đảm bảo các tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giá trị tối đa cho phép các thông số ô nhiễm nước thải vào hệ thống thoát nước đô thị;

b) Đối với các hộ thoát nước là các cơ sở sản xuất, cơ sở y tế, cơ sở kinh doanh nhà hàng, khách sạn khi đăng ký đấu nối ngoài các hồ sơ theo quy định phải kèm theo văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc tài liệu chứng minh hệ thống xử lý nước thải cục bộ đã hoàn thành và chất lượng nước thải sau xử lý cục bộ đạt yêu cầu được phép xả vào hệ thống thoát nước thải, phù hợp với chỉ tiêu đầu vào của nhà máy xử lý nước thải.

Điều 12. Chi phí đấu nối, chính sách hỗ trợ và thúc đẩy đấu nối

1. Chi phí đấu nối bao gồm các chi phí: Khảo sát, thiết kế, lập dự toán, lắp đặt ống, phụ kiện và hoàn trả mặt bằng từ điểm xả của hộ thoát nước đến điểm đấu nối

a) Đối với các hộ thoát nước thuộc đối tượng chính sách (là gia đình bà mẹ Việt Nam anh hùng; gia đình có thương binh, liệt sĩ; gia đình có công với cách mạng), hộ nghèo theo các tiêu chí Thủ tướng Chính phủ có xác nhận của UBND cấp xã thì được hỗ trợ toàn bộ chi phí để thực hiện đấu nối từ điểm xả của hộ thoát nước đến điểm đấu nối;

b) Đối với các hộ thoát nước không thuộc Điểm a Khoản 1 Điều này, chủ sở hữu hệ thống thoát nước, xử lý nước thải xem xét điều kiện thực tế để hỗ trợ chi phí đấu nối và mức hỗ trợ tối đa không quá 50% chi phí vật liệu, nhân công để thực hiện đấu nối theo thỏa thuận và do chủ sở hữu quyết định mức cụ thể.

2. Nguồn chi phí hỗ trợ đấu nối

a) Chi phí hỗ trợ đấu nối sử dụng từ nguồn vốn của đơn vị thoát nước;

b) Đối với các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mà chi phí đấu nối nằm trong chi phí thực hiện dự án (do người quyết định đầu tư phê duyệt) thì chi phí đấu nối lấy từ nguồn vốn thực hiện dự án.

Chương IV **QUY ĐỊNH VỀ TIÊU CHUẨN DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC**

Điều 13. Quy định về tiêu chuẩn dịch vụ

1. Nội dung tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đảm bảo đầy đủ hai phần: Chất lượng dịch vụ và chất lượng phục vụ; đồng thời phải đáp ứng yêu cầu về thời gian phục vụ (nhanh chóng, kịp thời), mức độ chính xác, mức độ an toàn, mức độ tiện lợi và tinh thần thái độ phục vụ (văn minh, lịch sự).

2. Tùy từng điều kiện cụ thể của từng khu vực trên địa bàn tỉnh, đơn vị thoát nước xây dựng “Mục tiêu chất lượng dịch vụ thoát nước”, đồng thời công bố với hộ thoát nước làm căn cứ để đánh giá chất lượng dịch vụ.

3. Đơn vị thoát nước xây dựng tiêu chuẩn dịch vụ thoát nước trình chủ sở hữu chấp thuận làm cơ sở ký hợp đồng quản lý vận hành hệ thống thoát nước.

Điều 14. Xác định khối lượng nước thải

1. Đối với nước thải sinh hoạt

a) Hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì khối lượng nước thải được tính bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước;

b) Hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì khối lượng nước thải được xác định bằng lượng nước sạch tiêu thụ bình quân đầu người 120 lít/người/ngày đêm (3,6 m³/tháng). Số người được xác định theo số nhân khẩu thực tế thường trú do UBND cấp xã xác nhận.

2. Đối với nước thải khác

a) Hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì khối lượng nước thải được tính bằng 80% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước;

b) Hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì khối lượng nước thải được xác định thông qua đồng hồ đo lưu lượng nước thải (hộ thoát nước có trách nhiệm đầu tư lắp đặt đồng hồ và các thiết bị bảo vệ phụ trợ khác).

Điều 15. Xác định hàm lượng chất gây ô nhiễm trong nước thải để xác định giá dịch vụ thoát nước

Hàm lượng chất gây ô nhiễm theo chỉ tiêu COD làm cơ sở tính giá dịch vụ thoát nước (đối với hộ thoát nước xả nước thải không phải nước thải sinh hoạt) thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định 80/2014/NĐ-CP.

Điều 16. Giá dịch vụ thoát nước

1. Hộ thoát nước xả thải vào hệ thống thoát nước phải thanh toán giá dịch vụ thoát nước cho đơn vị thoát nước.

2. Việc xây dựng giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thực hiện theo Điều 3 Thông tư số 02/2015/TT-BXD ngày 02 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 02/2015/TT-BXD).

3. Giá dịch vụ thoát nước được tính đúng, tính đủ các chi phí cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ thoát nước và xử lý nước thải gồm quản lý vận hành, duy trì, bảo dưỡng; khấu hao xe, máy móc, thiết bị, nhà xưởng, công trình hệ thống thoát nước, xử lý nước thải và các chi phí, thuế, nghĩa vụ, bảo hiểm xã hội, lợi nhuận định mức hợp lý và phí khác theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ ngân sách nhà nước) do UBND tỉnh quyết định thấp hơn mức giá đã được tính đúng, tính đủ các chi phí dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải, lợi nhuận hợp lý thì UBND tỉnh cấp bù từ ngân sách địa phương để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đơn vị thoát nước.

Điều 17. Hợp đồng dịch vụ thoát nước

1. Đối với các hộ gia đình, cá nhân có nước xả thải là nước thải sinh hoạt thì không phải ký hợp đồng sử dụng dịch vụ thoát nước.

2. Đối với các hộ thoát nước khác phải ký hợp đồng sử dụng dịch vụ thoát nước giữa hộ thoát nước với đơn vị thoát nước.

3. Mẫu hợp đồng dịch vụ thoát nước theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số 04/2015/TT-BXD.

4. Ngày hợp đồng dịch vụ thoát nước thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và được thể hiện cụ thể trong hợp đồng dịch vụ thoát nước.

Chương V

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Điều 18. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước

1. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu hệ thống thoát nước

a) Lựa chọn, ký kết hợp đồng và chấm dứt hợp đồng quản lý vận hành với đơn vị thoát nước để quản lý vận hành và cung cấp dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải;

b) Giám sát và kiểm tra hệ thống thoát nước và các hạng mục của hệ thống này vào bất cứ thời điểm nào để đảm bảo tính hiệu quả của các hoạt động quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng theo hợp đồng đã ký;

c) Không can thiệp vào các công việc liên quan đến quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và hoạt động tài chính của đơn vị thoát nước, bao gồm cả các vấn đề về quản lý nhân sự, phương pháp vận hành hệ thống và các vấn đề cụ thể khác mà không có sự thông báo trước bằng văn bản và không được sự chấp thuận của đơn vị thoát nước;

d) Trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng: Không bán, cho thuê hoặc nhượng quyền quản lý các tài sản cố định đã giao cho đơn vị thoát nước quản lý vận hành khi chưa được sự đồng ý của đơn vị thoát nước;

đ) Trong các trường hợp vi phạm các nội dung đã quy định trong hợp đồng thì chủ sở hữu hệ thống thoát nước phải bồi thường tổn thất thiệt hại do việc vi phạm gây ra đối với đơn vị thoát nước.

2. Trách nhiệm của chủ sở hữu hệ thống thoát nước

a) Lập và cung cấp cho đơn vị thoát nước 01 (một) bản danh mục về các công trình của hệ thống thoát nước, các bản vẽ hoàn công các công trình đã được xây dựng (nếu có). Trong trường hợp không có các bản vẽ hoàn công các công trình thoát nước, chủ sở hữu sẽ tiến hành khảo sát thống kê, xác định vị trí, kích thước, đánh giá hiện trạng, định giá giá trị còn lại của tài sản;

b) Chủ sở hữu có trách nhiệm trình cấp có thẩm quyền thỏa thuận các nội dung và giá trị hợp đồng của hợp đồng quản lý vận hành hệ thống thoát nước;

c) Phối hợp với đơn vị thoát nước tổ chức và triển khai các chương trình truyền thông, thông tin đại chúng về các vấn đề liên quan đến quy định quản lý thoát nước, chính sách bắt buộc đầu nối và cung cấp dịch vụ thoát nước, các quy định về giá dịch vụ thoát nước, thu gom và xử lý nước thải, chính sách về giám sát cộng đồng đối với dịch vụ thoát nước;

d) Đảm bảo thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho đơn vị thoát nước theo nội dung của hợp đồng;

đ) Tổ chức thẩm định, phê duyệt kế hoạch đầu tư, hồ sơ thiết kế xây dựng do đơn vị thoát nước lập trong việc sửa chữa lớn, thay thế, phục hồi và mở rộng hệ thống thoát nước nhằm đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ của hợp đồng quản lý, vận hành;

e) Hỗ trợ đơn vị thoát nước trong việc đấu nối các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước;

g) Tập hợp, lưu trữ hồ sơ quản lý thoát nước, báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải do đơn vị quản lý theo định kỳ trước ngày 10 tháng 12 hàng năm và đột xuất về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng.

Điều 19. Đơn vị thoát nước

1. Quyền của đơn vị thoát nước

Ngoài các quyền được quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP, đơn vị thoát nước có các quyền sau:

a) Ký hợp đồng dịch vụ với hộ thoát nước và thực hiện các điều khoản theo hợp đồng dịch vụ đã ký kết;

b) Thu tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải;

c) Được làm chủ đầu tư các công trình xây dựng, cải tạo, thay thế và mở rộng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thuộc nguồn vốn của đơn vị;

d) Được quyền từ chối nhận bàn giao công trình thoát nước và xử lý nước thải nếu chất lượng công trình không đảm bảo theo quy định hoặc xây dựng không đúng theo quy hoạch về thoát nước;

đ) Báo cáo với chủ sở hữu, các cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm của tổ chức, cá nhân gây ảnh hưởng tới hoạt động thoát nước, xử lý nước thải đối với hệ thống thoát nước đơn vị quản lý;

e) Giải quyết miễn trừ đấu nối hoặc cho phép hai hộ thoát nước hoặc nhiều hơn được đấu nối vào cùng một vị trí đấu nối và một hố kiểm tra.

2. Nghĩa vụ và trách nhiệm của đơn vị thoát nước

Ngoài các nghĩa vụ và trách nhiệm được quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP, đơn vị thoát nước có các nghĩa vụ và trách nhiệm sau:

a) Tổ chức lập và trình chủ sở hữu phê duyệt tiêu chuẩn dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước do mình quản lý, vận hành;

b) Đảm bảo việc cung cấp, duy trì ổn định dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải cho các hộ thoát nước cả về chất lượng và số lượng theo đúng hợp đồng dịch vụ đã ký;

c) Kiểm tra, đánh giá tình trạng hoạt động của hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, đảm bảo việc thu gom, xử lý và xả nước vào môi trường theo thỏa thuận với đơn vị được phân cấp quản lý về môi trường;

d) Kịp thời xử lý sự cố, hư hỏng khôi phục việc thoát nước, xử lý nước thải đảm bảo việc xả thải không ảnh hưởng tới môi trường;

đ) Tiếp nhận và giải quyết các kiến nghị, phản ánh có liên quan đến dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải. Giải quyết các khiếu nại về dịch vụ thoát nước, bảo đảm sự hài lòng cao nhất của hộ thoát nước;

e) Bảo vệ an toàn, đảm bảo vận hành hiệu quả, tiết kiệm trong quản lý hệ thống thoát nước và xử lý nước thải theo quy định;

g) Xác định rõ vị trí của hố kiểm tra và vị trí đấu nối trong trường hợp giải quyết miễn trừ đấu nối hoặc cho phép hai hộ thoát nước hoặc nhiều hơn được đấu nối vào cùng một vị trí đấu nối và một hố kiểm tra;

h) Kiểm soát việc xây dựng đúng quy cách đường ống nối từ nhà ra tới hố kiểm tra kể cả chất lượng vật liệu và kỹ thuật thi công công trình;

i) Báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải do đơn vị quản lý theo định kỳ trước ngày 01 tháng 12 hàng năm và đột xuất về chủ sở hữu để tổng hợp báo cáo Sở Xây dựng;

k) Thông báo đến hộ thoát nước được biết để thực hiện đấu nối ngay khi đầu tư xây dựng hoàn chỉnh các điểm đấu nối trên tuyến thu gom nước thải;

l) Khảo sát, thiết kế, lập dự toán và thi công đấu nối (nếu hộ thoát nước yêu cầu);

m) Có trách nhiệm tổ chức kiểm soát việc xả nước thải của hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước do mình quản lý bảo đảm các quy chuẩn quy định, tự tổ chức lấy mẫu, xét nghiệm khi thấy cần thiết;

n) Giám sát việc xây dựng các công trình thu gom của các hộ thoát nước theo hợp đồng dịch vụ thoát nước đã ký;

o) Phối hợp với chủ sở hữu, UBND cấp xã tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện việc đấu nối nước thải;

p) Hàng năm có kế hoạch thiết lập và xây dựng các điểm đấu nối mới để phục vụ cho nhu cầu đấu nối của các hộ thoát nước trong phạm vi phục vụ của hệ thống thoát nước;

q) Có trách nhiệm hỗ trợ chủ sở hữu thực hiện nhiệm vụ khảo sát thống kê phục vụ công tác lập bản đồ hệ thống thoát nước và cơ sở dữ liệu thoát nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 20. Hộ thoát nước

1. Quyền của hộ thoát nước sử dụng dịch vụ thoát nước thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 29 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

2. Nghĩa vụ của hộ thoát nước sử dụng dịch vụ thoát nước thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 29 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

3. Trách nhiệm của hộ thoát nước

a) Khi lập hồ sơ thiết kế xin phép xây dựng, phải thiết kế đường ống thoát nước từ công trình xử lý sơ bộ (nếu có) đến điểm đấu nối;

b) Tổ chức đầu tư xây dựng toàn bộ đường ống thoát nước từ công trình xử lý sơ bộ (nếu có) đến điểm đấu nối trên cơ sở đã thỏa thuận với đơn vị thoát nước và hoàn trả nguyên trạng các mặt bằng công cộng đã sử dụng để thi công;

c) Thông báo thời điểm thi công đấu nối để đơn vị thoát nước kiểm tra, hướng dẫn và giám sát việc xây dựng bảo đảm đấu nối đúng quy định;

d) Tích cực tham gia và hưởng ứng chương trình tuyên truyền giáo dục nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc đấu nối nước thải vào hệ thống thoát nước.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung liên quan đến hoạt động thoát nước, xử lý nước thải không nêu tại Quy định này thì thực hiện theo Nghị định số 80/2014/NĐ-CP, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, Thông tư số 02/2015/TT-BXD, Thông tư số 04/2015/TT-BXD và các quy định khác của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Việc phân công trách nhiệm và phân cấp quản lý về quản lý thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, có nội dung cần sửa đổi, bổ sung, đề nghị các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Xây dựng để được hướng dẫn và giải quyết theo thẩm quyền. Nếu vượt thẩm quyền thì Sở Xây dựng tham mưu, đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Dương Văn Thắng